

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 01 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2021/ TLST – HNGĐ ngày 01/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1965; ĐKKHKT tại: Tổ M, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1981; ĐKKHKT tại: Tổ M, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T đều trình bày: anh và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị không tìm hiểu nhau mà qua mai mối của gia đình thì đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về sống tại nhà riêng của anh ở tổ 1, khu 2B, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do trước khi kết hôn anh chị không tìm hiểu nhau kỹ nên tính cách cũng không hợp nhau và sau một thời gian chung sống thì tuổi tác của hai anh chị chênh lệch nên vấn đề tâm sinh lý của vợ chồng cũng có nhiều thay đổi, không còn hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, không khí gia đình luôn căng

thăng, nặng nề làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt học tập của các con chung. Anh cũng đã nói chuyện, khuyên nhủ chị H để vợ chồng tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra do đó chị H nhiều lần có ý định xin ly hôn anh. Vì thương con còn nhỏ nên anh cố gắng chịu đựng nhưng sau một thời gian mâu thuẫn vợ chồng anh vẫn không cải thiện được, tình cảm của anh dành cho chị H cũng mất dần, anh không muốn tiếp tục chung sống cùng chị H nữa. Sau này anh còn nghe dư luận về việc chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó chị H không quan tâm đến gia đình và cũng lấy lý do không còn tình cảm dành cho anh nên đã chuyển đi chỗ khác ở từ tháng 2/2020, anh chị cũng sống ly thân nhau từ đó, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và cũng không tìm biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được đại diện khu phố và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay anh xác định không còn tình cảm dành cho chị H, mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: anh và chị Hoàng Thị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 04/02/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 27/5/2010, từ khi sống ly thân các con chung ở cùng với anh, được anh chăm sóc chu đáo, phát triển tốt, chị H cũng không quan tâm đến con chỉ thỉnh thoảng về qua nhà thăm con; cả hai con đều có nguyện vọng được ở cùng với anh, anh cũng không muốn các con phải xa nhau nên để đảm bảo sự phát triển của các con chung anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Được nuôi dưỡng các con chung anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, hiện nay T nhập của anh là 4 triệu đồng/tháng cùng với sự giúp đỡ của gia đình cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Chị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa Tận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – chị Hoàng Thị H nhiều lần nhưng chị H cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của chị H, chị H không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T, anh T được ly hôn với chị H. Anh T được nuôi dưỡng các con chung, chị H không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T yêu cầu xin ly hôn với chị Hoàng Thị H hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Hoàng Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ cho chị H nhưng chị H cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2004. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ 1, khu 2B, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị theo anh T trình bày thì đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do trước khi kết hôn anh chị không có thời gian tìm hiểu, tuổi tác lại chênh nên tính cách và tâm sinh lý của anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất. Sau này anh T còn nghe dư luận nói chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, cũng từ đó chị H không quan tâm đến gia đình mà đòi ly hôn với anh, sau đó chị H tự ý dọn đi chỗ khác ở, sống ly thân với anh, anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không bàn bạc để tìm biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Bản thân chị H khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ chị H cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên anh T xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của anh T và chị H cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả T thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H.

* Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 04/02/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 27/5/2010, các con chung của anh chị cũng đều có nguyện vọng được anh T nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, anh T cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho các con chung. Đại diện khu phố nơi ông bà

cư trú cũng cho biết “đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tôn trọng nguyện vọng của các con chung để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các cháu”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, quan điểm của anh T cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh chị. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh T là chính đáng, anh T cũng có T nhập và có sự giúp đỡ, hỗ trợ của gia đình nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con chung phát triển tốt. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của anh chị. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 04/02/2006 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 27/5/2010 cho anh Nguyễn Xuân T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp ngày 17/9/2021 theo biên lai số: 0005976 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quýnh

